

DỰ THẢO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ HOÀNG THẠCH**

Số:01/TTr-ĐHCĐ2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương ngày 9 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm nội bộ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần bao bì Hoàng Thạch

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật chứng khoán năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch ngày 25/6/2021 và thực tế tình hình tổ chức, hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nội dung như sau:

I, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty.

1, Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3: Người đại diện theo PL của Cty như sau:

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

“a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách **người yêu cầu giải quyết việc dân sự**, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi bổ sung Điểm b khoản 2 Điều 3 gạch đầu dòng thứ 3.

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty **về doanh nghiệp mà mình**, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1, điểm P khoản 2 Điều 15 như sau:

- Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

“1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.”.

- Sửa đổi điểm P khoản 2 như sau:

“2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 21 như sau.

- Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”.

- Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”.

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 26 như sau.

“1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.”.

6. Sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 27 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:

“h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.”.

7. Sửa đổi điểm i khoản 2 Điều 27 như sau:

“i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên **hoặc Đại hội đồng cổ đông** ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.”.

8. Đề nghị bổ sung thêm vào khoản 2 Điều 27 thêm 01 điểm về Quyền và nghĩa vụ của HĐQT như sau:

“s. Thông qua các hợp đồng, thoả thuận, cam kết có thời hạn trên 01 năm (ngoại trừ các hợp đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền thoả thuận/phê duyệt; các hợp đồng mua bán các sản phẩm dịch vụ do Nhà nước độc quyền quản lý; các hợp đồng; giao dịch thuộc thẩm quyền quyết

định của ĐHCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.”.

9. Từ khoản 1-12 Điều 30 giữ nguyên. Đề nghị bổ sung vào Điều 30: Cuộc họp HĐQT các khoản như sau:

“13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 14 Điều này.”.

“14. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”.

“15. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.”.

“16. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.”.

“17. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.”.

10. Từ khoản 1-4 Điều 34 giữ nguyên. Đề nghị bổ sung vào Điều 34: Người điều hành Công ty các khoản sau:

5. Nhiệm kỳ bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty không quá 5 năm, phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các chức danh không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT thực hiện theo quy chế quản lý của Công ty.

6. Đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã được bổ nhiệm trước thời điểm ban hành Điều lệ sửa đổi này thì quyết định bổ nhiệm vẫn còn hiệu lực. Trường hợp bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm phải phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

11. Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 35 – Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc như sau:

- “3. Nhiệm kỳ của Giám đốc thực hiện theo quy định tại Khoản 5, 6 Điều 34 Điều lệ này. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.”

12. Đề nghị bổ sung thêm 01 điểm vào khoản 4 Điều 35 như sau:

- “4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

i. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ, HĐQT quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 153, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.”

II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Bổ sung căn cứ xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

“- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022”

2. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 3:

“d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.”

3. Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 15:

“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp”.

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 23

“1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người..”

5. Sửa đổi khoản 9 Điều 32:

“9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

6. Bổ sung điểm i khoản 2 Điều 47:

“i. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 153, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp”.

III, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

1, Sửa đổi khoản 1 điều 5 như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.

2, Sửa đổi điểm i khoản 2 điều 11 như sau:

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

3, Thêm điểm s vào khoản 2 điều 11 vào trước điểm r như sau:

s. Thông qua các hợp đồng, thoả thuận, cam kết có thời hạn trên 01 năm (ngoại trừ các hợp đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền thoả thuận/phê duyệt; các hợp đồng mua bán các sản phẩm dịch vụ do Nhà nước độc quyền quản lý; các hợp đồng; giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

4, Sửa đổi khoản 2 điều 16 như sau:

2, Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản

00.00
HỘI
CỔ PHẦN
BẢO
HÀNG
T

hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Hồ sơ, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Toạ



NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2023

(Kèm theo tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ 2023, ngày 9 tháng 6 năm 2023 của HĐQT Công ty)

STT	Quy định hiện hành	Dự thảo trình ĐHĐCĐ năm 2023	Căn cứ pháp lý
I	Điều lệ Công ty hiện hành (Ban hành năm 2021)	Dự thảo Điều lệ Công ty năm 2023	
Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3. Người đại diện theo PL của Cty	Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. “a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”	Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. “a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự , nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”	Khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.
Sửa đổi bổ sung Điểm b khoản 2 Điều 3 gạch đầu dòng thứ 3	b. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây: - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về <u>việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác</u>	b. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây: - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình , người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp .	Điểm c, Khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020
Sửa đổi điểm d khoản 1, điểm P khoản 2 Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. Điểm d khoản 1. d. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất— đã được kiểm toán; Điểm P khoản 2: . Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính— kỳ gần nhất—đã được kiểm toán;	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. Điểm d khoản 1. d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Điểm P khoản 2 p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Điểm d khoản 1; điểm p khoản 2 Điều 15 – Phụ lục về Điều lệ mẫu áp dụng đối với Cty đại chúng kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020



<p>Sửa khoản 1 và khoản 2 Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Theo Khoản 5 Điều 7 (Luật số 03/2022/QH15) – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p>	<p>Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.</p>	<p>Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.</p>	<p>Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị h. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% trở lên đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>- Theo Điểm h khoản 2 Điều 27 Phụ lục về Điều lệ mẫu áp dụng đối với Cty đại chúng kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
<p>Sửa đổi điểm i khoản 2 Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ</p>	<p>- Theo Điểm i khoản 2 Điều 27 Phụ lục về Điều lệ mẫu áp dụng đối với Cty đại chúng kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

0202
PH
O E
-TH
-TH

	quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	đồng ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	
		<p>Đề nghị bổ sung thêm vào khoản 2 Điều 27 thêm 01 điểm về Quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo hướng dẫn của Vicem.</p> <p>s. Thông qua các hợp đồng, thoả thuận, cam kết có thời hạn trên 01 năm (ngoại trừ các hợp đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền thoả thuận/phê duyệt; các hợp đồng mua bán các sản phẩm dịch vụ do Nhà nước độc quyền quản lý; các hợp đồng; giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>- Thực hiện theo hướng dẫn của Vicem. Tại Công văn số 623 ngày 6/4/2023.</p>
	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị Các khoản từ 1-12 giữ nguyên</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị Từ khoản 1-12 giữ nguyên. Đề nghị bổ sung vào Điều 30 các khoản sau:</p> <p>13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ</p>	<p>- Theo Điều 158 Luật DN năm 2020</p>

		<p>lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 14 Điều này.”.</p> <p>14. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”.</p> <p>15. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.”.</p> <p>16. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.”.</p> <p>17. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.”.</p>	<p>- Theo Khoản 6 Điều 7 (Luật số 03/2022/QH15) – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Theo Điều 158 Luật DN năm 2020</p> <p>- Theo Điều 158 Luật DN 2020</p> <p>- Theo Điều 158 Luật DN 2020</p>
<p>Điều 34. Người điều hành công ty Các khoản từ 1-4 giữ nguyên</p>	<p>Điều 34. Người điều hành công ty Các khoản từ 1-4 giữ nguyên. Đề nghị bổ sung vào Điều 30 các khoản sau: 5. Nhiệm kỳ bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng</p>		<p>(Thực hiện theo hướng dẫn của Vicem. Tại Công văn số 623 ngày 6/4/2023)</p>

		<p>Công ty không quá 5 năm, phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các chức danh không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT thực hiện theo quy chế quản lý của Công ty.</p> <p>6. Đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã được bổ nhiệm trước thời điểm ban hành Điều lệ sửa đổi này thì quyết định bổ nhiệm vẫn còn hiệu lực. Trường hợp bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm phải phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.</p>	
	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm 01 điểm vào khoản 4 Giám đốc có các Quyền và nghĩa vụ theo hướng dẫn của Vicem.</p> <p>i. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 153, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	- Thực hiện theo hướng dẫn của Vicem. Tại Công văn số 623 ngày 6/4/2023.
	Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Khoản 3: Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.	Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc <i>Khoản 3: Nhiệm kỳ của Giám đốc thực hiện theo quy định tại Khoản 5,6 Điều 34 Điều lệ này. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</i>	Thực hiện theo hướng dẫn của Vicem. Tại Công văn số 623 ngày 6/4/2023)
II	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2021	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2023	Căn cứ pháp lý
Sửa căn cứ pháp luật hiện hành	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020	Bổ sung nội dung: Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022	Luật Doanh nghiệp 2020 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15.

Sửa điểm d khoản 2 Điều 3	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ ĐHCĐ 2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ được quy định theo Điều 15 Điều lệ Công ty như sau: d. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ ĐHCĐ 2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ được quy định theo Điều 15 Điều lệ Công ty như sau: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty.	Điểm d khoản 1 Điều 15 – Phụ lục về Điều lệ mẫu áp dụng đối với Cty đại chúng kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
Sửa nội dung Khoản 1,2 Điều 15:	Điều 15. Điều kiện Nghị quyết được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Điều 15. Điều kiện Nghị quyết được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả <i>cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i> tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <i>cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i> tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Theo Khoản 5 Điều 7 (Luật số 03/2022/QH15) – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.
Sửa khoản 1 Điều 23	Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người	Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người .	Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020
Sửa khoản 9 Điều 32	Điều 32. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT 9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản họp vẫn có hiệu lực.	Điều 32. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT 9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ</i>	- Theo Khoản 6 Điều 7 (Luật số 03/2022/QH15) – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.

		<i>toạ, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i>	
Bổ sung điểm i khoản 2 Điều 47	Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc 2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ	Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc 2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ <i>i. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 153, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</i>	Thực hiện theo hướng dẫn của Vicem. Tại Công văn số 623 ngày 6/4/2023.
III	Quy chế hoạt động của HĐQT 2021	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2023	Căn cứ pháp lý
Sửa đổi khoản 1	Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 1. Hội đồng quản trị có 05 người	Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người	Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020
Tại điều 2 Sửa đổi khoản i; thêm khoản s	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;....	Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.... s. Thông qua các hợp đồng, thoả thuận, cam kết có thời hạn trên 01 năm (ngoại trừ các hợp đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền thoả thuận/phê duyệt; các hợp đồng mua bán các sản phẩm dịch vụ do Nhà nước độc quyền quản lý; các hợp đồng; giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.	- Theo Điểm i khoản 2 Điều 27 Phụ lục về Điều lệ mẫu áp dụng đối với Cty đại chúng kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 - Thực hiện theo hướng dẫn của Vicem. Tại Công văn số 623 ngày 6/4/2023.

<p>Sửa đổi khoản 2</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>- Theo Khoản 6 Điều 7 (Luật số 03/2022/QH15) – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
------------------------	---	--	--